TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/DS-ST
Ngày 30 tháng 3 năm 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Mí Chỏ; bà Lương Thị Nhiễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quốc Dũng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2025/TLST - DSTC ngày 04/11/2025 "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-DSTCngày 25/02/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (A). Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 đường L, phường G, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Huy H - Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh Đ; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ2, tỉnh Tuyên Quang.

Người được uỷ quyền lại: Ông Hoàng Văn S - Phó Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh Đ. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Mạc Hữu D, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ2, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt không có lý do.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 06, thị trấn Đ2, huyện Đ2, tỉnh H (nay là thôn Đ1, xã Đ2, tỉnh Tuyên Quang). Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2025 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn (Ngân hàng N) và người đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 07/7/2016 Ngân hàng N Chi nhánh Đ và anh Mạc Hữu D đã thỏa thuận, ký kết Hợp đồng tín dụng số 8202LAV201600555. Theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 8202LAV201600555 A Chi nhánh Đ cho anh Mạc Hữu D vay số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), thỏa thuận lãi suất: Phương thức áp dụng, lãi suất cho vay được áp dụng theo hình thức có điều chỉnh. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 07/7/2016; kỳ hạn trả gốc: 20 kỳ; kỳ hạn trả lãi: 03 tháng/lần vào cuối tháng, mục đích: Mua dất ở. Khách hàng (Mạc Hữu D) nhận nợ 1 lần, số tiền 350.000.000 đồng vào ngày 07/7/2016.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng khách hàng anh Mạc Hữu D đã vi phạm cam kết về việc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với A cụ thể như sau:

* Tính đến thời điểm 15/9/2025, số nợ mà khách hàng đã trả nợ tại HĐTD số 8202LAV201600555 ngày 07/7/2016 với tổng số tiền 198.367.000 đồng; (*Một trăm chín mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng);* Trong đó: Gốc là 130.004.973 đồng *(Một trăm ba mươi triệu, không trăm không bốn nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng);* Lãi là 68.362.027 đồng *(Sáu mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).*

* Tính đến thời điểm 15/9/2025, số nợ mà khách hàng phải trả tổng D nợ gốc và lãi: 482.833.476 đồng *(Bốn trăm tám mươi hai triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng).* Trong đó: D nợ gốc: 219.995.027 đồng *(Hai trăm mười chín triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng).* Lãi trong hạn: 190.222.365 đồng *(Một trăm chín mươi triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng).* Lãi quá hạn: 72.616.084 đồng *(Bảy mươi hai triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, không trăm tám mươi bốn đồng)*

A Chi nhánh Đ đã thực hiện kết hợp nhiều biện pháp nhằm đôn đốc khách hàng, thu hồi nợ cho đơn vị, cụ thể: Làm việc với cơ quan chủ quản và có văn bản đề nghị hỗ trợ thu hồi nợ đối với khoản vay của khách hàng Mạc Hữu D. Khách hàng Mạc Hữu D bị buộc thôi việc, không có nguồn thu để trả nợ. A Chi nhánh Đ đã làm việc với cơ quan chủ quản, Bảo hiểm xã hội và vợ khách hàng đồng thời tìm cách liên lạc với khách hàng Mạc Hữu D. Tuy nhiên, không liên lạc được với anh D và không rõ tung tích. Anh Mạc Hữu D đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với A theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Hợp đồng Tín dụng nói trên. Chi nhánh đã tìm mọi biện pháp để liên lạc với khách hàng, tuy nhiên ông D không có mặt tại địa phương, hiện không rõ tung tích (từ tháng 8/2018 đến nay khách hàng không có bất kỳ động thái trả nợ gốc, lãi cho A Chi nhánh Đ).

Vì vậy, A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Mạc Hữu D phải có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ là **219.995.027** đồng (*hai trăm mười chín triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng*) + Lãi suất (gồm lãi suất trong hạn, lãi suất nợ quá hạn) và lãi suất phát sinh kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi khách hàng Mạc Hữu D trả hết khoản nợ cho ngân hàng.

Bị đơn anh Mạc Hữu D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang đã triệu tập anh D, chị N1 đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng qua xác minh nơi cư trú tại thôn Đ1, xã Đ2, tỉnh Tuyên Quang cung cấp anh D và chị N1 đã đi khỏi nơi cư trú từ khoảng 02 - 03 năm, hiện không còn cư trú tại địa phương, không biết đã chuyển đến địa chỉ mới ở đâu. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị buộc anh Mạc Hữu D phải có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ là **219.995.027** đồng (*hai trăm mười chín triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng*) và lãi suất tính đến ngày xét xử (ngày 30/3/2026) gồm: Lãi trong hạn là **204.668.707** đồng (*hai trăm linh tư triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm linh bảy đồng*) + Lãi quá hạn là **79.802.590** đồng (*bảy mươi chín triệu, tám trăm linh hai đồng, năm trăm chín mươi đồng*). Tổng cộng: **504.466.323** đồng (*năm trăm linh tư triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi ba đồng).*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang: Về tuân thủ pháp luật tố tụng, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật quy định tại các Điều 70 và Điều 71 của bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật quy định tại các Điều 70 và Điều 72, Điều 73 của bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, khi được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt không có lí do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 90; Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thi hành án xong ông Mạc Hữu D còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về

việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Mạc Hữu D phải chịu 24.178.653 đồng *(Hai mươi tư triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 11.656.000 đồng *(Mười một triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0001111 ngày 30/10/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh Mạc Hữu D (Địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ2, tỉnh Tuyên Quang). Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Mạc Hữu D và chị Nguyễn Thị N1 hiện nay không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang đã niêm yết các văn bản của Toà án theo thủ tục tố tụng nhưng anh D, chị N1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh D, chị N1 theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 07/7/2016 Ngân hàng N Chi nhánh Đ và anh Mạc Hữu D đã thỏa thuận, ký kết Hợp đồng tín dụng số 8202LAV201600555. Nội dung Hợp đồng tín dụng số 8202LAV201600555 thể hiện A Chi nhánh Đ cho anh Mạc Hữu D vay số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), thỏa thuận lãi suất: Phương thức áp dụng, lãi suất cho vay được áp dụng theo hình thức có điều chỉnh. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 07/7/2016; kỳ hạn trả gốc: 20 kỳ; kỳ hạn trả lãi: 03 tháng/lần vào cuối tháng, mục đích: Mua đất ở. Việc ký kết hợp đồng được hai bên thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng tín dụng nêu trên hợp pháp, có căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thực hiện đúng nghĩa vụ, giải ngân cho anh Mạc Hữu D vay số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Anh Mạc Hữu D đã nhận đủ số tiền vay nhưng sau đó anh D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, vi phạm cam kết trả nợ

với Ngân hàng. Chi nhánh Đ đã nhiều lần yêu cầu anh D trả nợ nhưng anh D không hợp tác và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn A đề nghị anh D phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 8202LAV201600555 đã ký kết là có cơ sở, bởi lẽ: Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng số 8202LAV201600555, anh D đã vay được tiền nhưng không trả nợ theo đúng thỏa thuận để phát sinh nợ quá hạn, vi phạm nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Hiện nay anh D đã đi khỏi nơi cư trú, trước khi thay đổi địa chỉ nơi cư trú không thông báo cho chính quyền địa phương và A Chi nhánh Đ biết về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú, cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

[6] Về việc xác định nghĩa vụ trả nợ: Tại Hợp đồng tín dụng số 8202-LAV-201600555 ngày 07/7/2016 thể hiện A Chi nhánh Đ (bên cho vay) cho anh Mạc Hữu D (bên vay) vay số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

[7] Tại phần các khoản nợ tại Biên bản hòa giải ngày 12/3/2019 (BL 99) của Tòa án nhân dân huyện Đ2, tỉnh H (trước sáp nhập) và Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2019 của của Tòa án nhân dân huyện Đ2, tỉnh H (trước sáp nhập) anh Mạc Hữu D và chị Nguyễn Thị N1 thỏa thuận người nào đứng tên vay Ngân hàng thì người đó tự chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Phía nguyên đơn xác nhận tại thời điểm năm 2016, khi làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng anh Mạc Hữu D có viết Giấy đề nghị kiêm vay vốn phục vụ nhu cầu sinh hoạt đời sống hàng ngày đề ngày 06/7/2016. Tại mục "Các thành viên trong gia đình" chị Nguyễn Thị N1 ký tên quan hệ với chủ hộ là vợ anh Mạc Hữu D. Chị Nguyễn Thị N1 không được ký người vay hoặc đồng trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số 8202-LAV-201600555 ngày 07/7/2016 và tại thời điểm năm 2019 chị Nguyễn Thị N1 (vợ anh Mạc Hữu D) cũng có khoản nợ phải trả tại ngân hàng và phía ngân hàng được biết trong năm 2019 vợ chồng anh Mạc Hữu D đã ly hôn và thỏa thuận với nhau đối với các khoản nợ tại ngân hàng do người nào đứng tên vay thì người đó tự có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Do đó, phía ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc anh Mạc Hữu D có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8202-LAV-201600555 ngày 07/7/2016 cho ngân hàng.

[9] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy mặc dù bị đơn anh Mạc Hữu D ký hợp đồng tín dụng vay tiền ngân hàng (ngày 07/7/2016) trong thời kỳ hôn nhân, việc bị đơn Mạc Hữu D vay tiền ngân hàng vợ của bị đơn là chị Nguyễn Thị N1 có biết nhưng không được tham gia ký hợp đồng tín dụng, không cam kết đồng trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 8202-LAV-201600555 ngày 07/7/2016 và khi giải quyết việc ly hôn (năm 2019) anh D và chị N1 thỏa thuận việc trả nợ người nào đứng tên vay Ngân hàng thì người đó tự chịu trách nhiệm trả nợ. Do đó xác định anh Mạc Hữu D là người có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8202-LAV-201600555 ngày 07/7/2016 cho ngân hàng.

[10] Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình, do đó toà án không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Mạc Hữu D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 11.656.000 đồng *(Mười một triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng)* đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0001111 ngày 30/10/2025.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Xử: Buộc anh Mạc Hữu D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N - Chi nhánh Đ số tiền nợ gốc còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 8202-LAV-201600555 ngày 07/7/2016 là **219.995.027** đồng (*hai trăm mười chín triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng*) + Lãi trong hạn là **204.668.707** đồng (*hai trăm linh tư triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm linh bảy đồng*) + Lãi quá hạn là **79.802.590** đồng (*bảy mươi chín triệu, tám trăm linh hai đồng, năm trăm chín mươi đồng*). Tổng cộng số gốc + lãi là **504.466.324** đồng (*năm trăm linh tư triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi tư đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí: Anh Mạc Hữu D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **24.178.653** đồng *(Hai mươi tư triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng).*

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 11.656.000 đồng *(Mười một triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0001111 ngày 30/10/2025.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hánh án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - TQ;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Vân